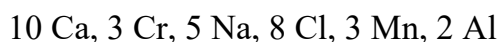


ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 3 VÀ 4

Bài 1. Cho biết các cách viết sau có ý nghĩa gì?



Bài 2. Dùng chữ số và ký hiệu hóa học để diễn đạt các ý sau:

- | | |
|----------------------------|--------------------------|
| a/ Ba nguyên tử nitrogen | e/ Sáu nguyên tử argon |
| b/ Bảy nguyên tử copper | f/ Năm nguyên tử helium |
| c/ Bốn nguyên tử potassium | g/ Hai nguyên tử bromine |
| d/ Một nguyên tử zinc | h/ Ba nguyên tử iron |

Bài 3. Cho biết những chất sau là đơn chất hay hợp chất.

- a/ Glucose được tạo nên từ 6C, 12H và 6O.
- b/ Kim loại magnesium được tạo nên từ Mg.
- c/ Khí ozone được tạo nên từ 3O.
- d/ Phosphoric acid được tạo nên từ 3H, P và 4O.
- e/ Soda được tạo nên từ 2Na, C và 3O.
- f/ Khí fluorine được tạo nên từ 2F.
- g/Ethanol được tạo nên từ 2C, 6H và O.
- h/ Sucrose được tạo nên từ 12C, 22H và 11O.

Bài 4. Tính phân tử khối của các chất có CTHH sau:



Bài 5. Viết CTHH và tính phân tử khối của các hợp chất sau:

- a/ Sulfuric acid biết trong phân tử có 2H, 1S và 4O.
- b/ Calcium oxide biết trong phân tử có 1Ca và 1O.
- c/ khí pxygen, biết trong phân tử có 2O.
- d/ Sodium hydroxide, biết trong phân tử có 1Na, 1O và 1H.
- e/ Iron (III) oxide, biết trong phân tử có 2Fe và 3O.

Bài 6. Viết CTHH và tính phân tử khối của các hợp chất sau:

- | | | |
|-----------------|--------------------------|--------------------------|
| a. Cu(II) và Cl | b. Al và NO ₃ | c. Ca và PO ₄ |
|-----------------|--------------------------|--------------------------|

d. $\text{NH}_4(\text{I})$ và SO_4

e. Mg và O

f. $\text{Fe}(\text{II})$ và SO_4

g. Na và OH

h. $\text{Cu}(\text{II})$ và SO_4

i. Ca và NO_3

j. Ba và OH

k. Al và NO_3

l. $\text{Cu}(\text{II})$ và CO_3

m. Mg và CO_3

n. $\text{Hg}(\text{II})$ và NO_3

o. Zn và Br

p. Ba và $\text{HCO}_3(\text{I})$

q. $\text{K}(\text{I})$ và $\text{H}_2\text{PO}_4(\text{I})$

r. Na và $\text{HSO}_4(\text{I})$

t. Al và PO_4